TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**76**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 6 - 2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Ngọc Kiều

Ông Đoàn Quốc Thống

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Lụa, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2018/QĐST - HNGĐ ngày 14/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị T, sinh năm 1985
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh N, sinh năm 1983
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh N và chị T kết hôn năm 2006, đăng ký kết hôn ngày tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống đến khoảng cuối năm 2011 thì anh chị ly thân cho đến nay. Lý do ly thân là do mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ nguyên nhân anh N tham gia vào các tệ nạn xã hội, chị T khuyên ngăn nhưng anh N không từ bỏ. Thấy không thể duy trì cuộc sống chung và hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

Tại phiên tòa anh N thừa nhận quan hệ hôn nhân của anh và chị T đúng như chị T trình bày, anh chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Con chung: Th, sinh ngày 27/10/2009 do chị T đang trực tiếp chăm sóc; chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi con; không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Anh N đồng ý giao chị T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung.

Tài sản chung: Chị T, anh N không yêu cầu Tòa án phân chia.

Nợ chung: Chị T, anh N xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Hôn nhân*: Chị T và anh N kết hôn năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến cuối năm 2011 thì ly thân cho đến nay. Thấy không thể nào có cuộc sống chung và hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

Tại phiên tòa anh N đồng ý ly hôn với chị T. Lý do anh N đồng ý lý hôn là do vợ chồng ly thân đã hơn 06 năm, tình cảm vợ chồng không còn; đây là sự tự nguyện quyết định của anh.

Thấy rằng, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T và anh N đã ly thân hơn 06 năm, trong suốt khoản thời gian dài anh chị không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau; tình cảm vợ chồng anh chị đã lạnh nhạt. Nay chị T xin ly hôn anh N chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Điều này đã chứng minh anh N và chị T không còn tình cảm thương yêu vợ chồng; anh chị không có được cuộc sống chung và hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2] *Con chung*: Th, sinh ngày 27/10/2009 do chị T đang trực tiếp chăm sóc. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi con. Yêu cầu này của chị T được anh N chấp nhận. Do đó giao Th cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] *Tài sản chung*: Chị T, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] *Nợ chung*: Chị T, anh N xác định không.

[5] *Án phí*: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị T phải chịu án phí dân sự về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: - *Hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T ly hôn với anh N.

Con chung: Giao Th, sinh ngày 27/10/2009 cho chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân chị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011908 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tuyên án.

nhận:
- Đương sư;
- UBND xã Khánh An;
- VKSND huyện U Minh;
- THA DS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Xuân Miễn